

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ III NĂM 2013

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2013

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	30/09/2013	01/01/2013
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		142.817.950.917	193.417.786.893
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		17.414.463.594	35.736.337.211
1.	Tiền	111	4.1	8.202.509.711	19.550.892.550
2.	Các khoản tương đương tiền	112		9.211.953.883	16.185.444.661
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		6.000.000.000	8.000.000.000
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		6.000.000.000	8.000.000.000
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	4.2	60.375.042.289	89.972.586.960
1.	Phải thu khách hàng	131		47.196.480.432	79.284.050.220
2.	Trả trước cho người bán	132		14.060.829.076	3.277.563.471
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135		2.920.163.539	11.246.505.165
6.	Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3.802.430.758)	(3.835.531.896)
IV.	Hàng tồn kho	140	4.3	57.092.305.122	58.303.545.671
1.	Hàng tồn kho	141		57.092.305.122	58.303.545.671
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150	4.4	1.936.139.912	1.405.317.051
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		12.128.575	64.250.000
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	60.000.000
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158		1.924.011.337	1.281.067.051

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2013

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2013	01/01/2013
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		110.918.127.906	117.643.537.115
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		33.120.719.060	30.778.741.393
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		33.120.719.060	30.778.741.393
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		8.034.906.624	6.830.837.884
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.5	7.778.136.240	5.984.347.475
- Nguyên giá	222		13.362.416.691	10.387.552.447
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.584.280.451)	(4.403.204.972)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	4.6	256.770.384	846.490.409
III. Bất động sản đầu tư	240	4.7	802.108.000	802.108.000
- Nguyên giá	241		802.108.000	802.108.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	4.8	63.811.315.099	72.779.345.695
1. Đầu tư vào công ty con	251		72.519.345.695	72.519.345.695
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		260.000.000	260.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(8.968.030.596)	-
V. Tài sản dài hạn khác	260	4.9	5.149.079.123	6.452.504.143
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		526.176.779	79.701.774
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		4.622.902.344	6.372.802.369
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		253.736.078.823	311.061.324.008

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2013

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2013	01/01/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		108.470.298.090	158.488.342.716
I. Nợ ngắn hạn	310		100.334.098.090	133.461.633.961
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	4.10	5.992.315.539	6.486.471.086
2. Phải trả người bán	312	4.11	24.904.420.866	40.222.343.742
3. Người mua trả tiền trước	313	4.11	23.276.587.122	19.310.179.222
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	4.12	3.755.314.486	6.398.638.466
5. Phải trả người lao động	315	4.11	1.210.325.718	3.041.149.865
6. Chi phí phải trả	316	4.11	35.380.763.819	47.579.649.705
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	4.11	3.282.820.080	6.695.681.922
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	4.11	342.079.948	307.044.673
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	4.11	2.189.470.512	3.420.475.280
II. Nợ dài hạn	330		8.136.200.000	25.026.708.755
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	4.10	8.136.200.000	25.026.708.755
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		145.265.780.733	152.572.981.292
I. Vốn chủ sở hữu	410		145.265.780.733	152.572.981.292
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	4.13	80.000.000.000	80.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		10.700.000.000	10.700.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2013

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		40.724.043.436	36.724.043.436
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		7.091.667.202	6.272.578.035
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	4.14	6.750.070.095	18.876.359.821
11.	Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12.	Quỹ hỗ trợ và sắp xếp Doanh nghiệp	422		-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1.	Nguồn kinh phí	432		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		253.736.078.823	311.061.324.008

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2013

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	30/09/2013	01/01/2013
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
	USD	(V.1) 409,13	408,75
	EUR	(V.1) 3.397,35	3.394,79
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Ngày 16 tháng 10 năm 2013

Người lập biểu

LÊ MỸ PHƯỢNG

Kế toán trưởng

NGUYỄN HOÀNG SƠN

Tổng Giám Đốc

TRẦN HOÀNG HUÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý III năm 2013

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
				Năm 2013	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2012
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	36.150.533.994	52.018.911.430	93.361.946.607	142.514.381.245
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		42.237.272	-	350.177.817	579.581.868
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	5.1	36.108.296.722	52.018.911.430	93.011.768.790	141.934.799.377
4.	Giá vốn hàng bán	11	5.2	20.151.270.203	51.794.265.232	66.200.246.663	122.081.665.676
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.957.026.519	224.646.198	26.811.522.127	19.853.133.701
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	2.149.282.189	3.593.908.891	5.472.913.746	5.791.162.421
7.	Chi phí tài chính	22	5.4	1.032.327.157	(252.418.677)	9.864.513.133	994.649.331
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>148.637.659</i>	<i>320.867.179</i>	<i>896.995.406</i>	<i>931.180.609</i>
8.	Chi phí bán hàng	24	5.5	750.698.268	1.963.371.382	1.901.255.976	2.857.660.320
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.6	2.725.117.712	2.220.782.776	8.276.244.757	9.473.477.551
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.598.165.571	(113.180.392)	12.242.422.007	12.318.508.920
11.	Thu nhập khác	31	5.7	148.338.862	31.927.243	2.563.032.193	1.563.368.383
12.	Chi phí khác	32	5.8	2.512.391.203	143.937.906	2.569.583.917	268.809.626
13.	Lợi nhuận khác	40		(2.364.052.341)	(112.010.663)	(6.551.724)	1.294.558.757
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.234.113.230	(225.191.055)	12.235.870.283	13.613.067.677
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.9	2.873.374.470	(4.981.268.930)	4.199.928.358	2.999.296.927
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		3.316.410.457	3.197.756.796	1.749.900.025	186.202.075

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý III năm 2013

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	4.14	5.044.328.303	1.558.321.079	6.286.041.900	10.427.568.675
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		631	195	786	1.303

Ngày 16 tháng 10 năm 2013

Người lập biểu



LÊ MỸ PHƯỢNG

Kế toán trưởng



NGUYỄN HOÀNG SƠN

Tổng Giám đốc



TRẦN HOÀNG HUÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Quý III năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 30/09/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/09/2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		12.235.870.283	13.613.067.677
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		1.498.783.875	848.056.188
- Các khoản dự phòng	03		8.969.964.733	1.768.740.025
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(1.361.995)	(9.011.225)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.834.901.940)	(5.791.162.421)
- Chi phí lãi vay	06		896.995.406	931.180.609
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		20.765.350.362	11.360.870.853
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		23.357.328.116	12.839.047.777
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.211.240.549	45.441.243.767
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(37.004.016.891)	(43.963.078.059)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(315.537.238)	45.654.371
- Tiền lãi vay đã trả	13		(896.995.406)	(931.180.609)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.536.658.316)	(1.624.231.902)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		4.176.144.881	5.341.267.178
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(1.231.004.768)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		8.525.851.289	28.509.593.376
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.781.668.957)	(1.862.684.534)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	31.902.728
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(5.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		7.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		917.246.358	905.606.269
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		135.577.401	(925.175.537)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Quý III năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	10.154.807.297	10.778.814.314
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(26.399.271.599)	(17.899.857.081)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(1.140.200.000)	(1.444.200.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9.600.000.000)	(11.199.972.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(26.984.664.302)	(19.765.214.767)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(18.323.235.612)	7.819.203.072
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	35.736.337.211	10.501.116.564
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.361.995	9.011.225
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	17.414.463.594	18.329.330.861

Ngày 16 tháng 10 năm 2013

Người lập biểu



LÊ MỸ PHƯỢNG

Kế toán trưởng



NGUYỄN HOÀNG SƠN

Tổng Giám đốc



TRẦN HOÀNG HUÂN

Quý III năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1200526842 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2004, thay đổi lần thứ 9 ngày 30 tháng 12 năm 2011.

Tên tiếng Anh: TIEN GIANG INVESTMENT AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: TICCO.

Vốn điều lệ: 80.000.000.000 đồng (Tám mươi tỷ đồng).

Trụ sở chính: 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang.

Công ty có 03 (ba) đơn vị phụ thuộc và hạch toán kế toán phụ thuộc là: Xí nghiệp Cơ khí sửa chữa, Xí nghiệp kinh doanh Vật liệu xây dựng TICCO có trụ sở đặt tại 90 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang và Sàn giao dịch Bất động sản TICCO có trụ sở đặt tại 166 đường Ấp Bắc, phường 4, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/09/2013 là 88 người.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1200526842 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2004, thay đổi lần thứ 9 ngày 30 tháng 12 năm 2011, hoạt động của Công ty là:

- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Thi công các công trình thủy lợi: Trạm bơm, cống, đập, đê, kè sông, kè biển các loại, hồ chứa nước và nạo vét rạch, kênh mương;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Kinh doanh cát san lấp;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Môi giới bất động sản, định giá bất động sản, tư vấn bất động sản, đấu giá bất động sản, quản lý bất động sản;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình công nghiệp;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Thi công các công trình giao thông: cầu giao thông, cầu cảng, đường giao thông các loại, hệ thống cấp thoát nước;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Đóng tàu và cầu kiện nổi. Chi tiết: Trung đại tu thiết bị, sửa chữa và đóng mới sà lan;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Gia công các sản phẩm cơ khí, cửa cống công trình thủy lợi;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh bê tông tươi và các sản phẩm bê tông đúc sẵn;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng: khu công

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

nghiệp, khu dân cư, đường giao thông;

- Bản lề đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Khảo sát thiết kế các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; tư vấn đấu thầu, giám sát;
- Quảng cáo. Chi tiết: Quảng cáo bất động sản;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm bằng vật liệu composite;
- Khai thác vận tải; lập dự án các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; kinh doanh các sản phẩm bằng vật liệu composite; thiết kế, sản xuất, chế tạo thiết bị nâng.

3. Cấu trúc tập đoàn

3.1. Các công ty con trực tiếp

STT	Tên công ty con	Địa chỉ	Quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1	Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	Lô số 1, 2, 3, 4, 5, 6 khu công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	100,00%	100,00%
2	Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	90 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	100,00%	100,00%
3	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang	Số 3 Lê Lợi, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	75,42%	75,42%

3.2. Công ty liên kết

STT	Tên công ty con	Địa chỉ	Quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1	Công ty Cổ phần Testco	Lô số 1, 2, 3 khu công nghiệp Mỹ Tho, tỉnh Tiền	20,00%	20,00%

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Riêng báo cáo này lập cho giai đoạn từ ngày 01/07/2013 đến ngày 30/09/2013.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành. Các thông tin tài chính đã được soạn lập theo chuẩn mực kế toán Việt nam số 27-Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Không có chuẩn mực kế toán Việt Nam mới được ban hành hoặc sửa đổi có hiệu lực cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc, được soạn lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các qui định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

2. Tiền và tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền

Các khoản tiền và tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua chuyển khoản của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

3. Các chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng cách lấy giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp Nhập trước – xuất trước.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc ghi nhận giá trị TSCĐ hữu hình

Giá trị của tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
Máy móc thiết bị	05 - 12 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm

6. Bất động sản đầu tư

Bao gồm quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty, được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài tại Quang Trung - Cái Cui, phường Phú Thứ, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, diện tích 125,5 m² và 103,5 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00462 và 00463 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ cấp ngày 30/11/2004.

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất lâu dài nên không tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Kế toán các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Phân loại các khoản đầu tư

- Nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư vào công ty con.
- Nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.
- Nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư dài hạn khác.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các đơn vị khác được trích lập khi các đơn vị này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các đơn vị này theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

9. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện hành thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trích trước

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

11. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn;
- Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

12. Dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Khoản dự phòng phải trả được lập mỗi năm một lần vào cuối niên độ kế toán và chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Đối với dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được lập cho từng công trình xây lắp hoàn thành và được lập vào cuối kỳ kế toán năm hoặc cuối kỳ kế toán giữa niên độ.

Đối với khoản dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hóa được ghi nhận vào chi phí bán hàng, khoản nợ dự phòng phải trả về chi phí bảo hành công trình xây lắp được ghi nhận vào chi phí sản xuất chung.

13. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, ký cược và đầu tư tài chính dài hạn khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng;
- Doanh thu chuyển quyền sử dụng đất khu dân cư Long Thạnh Hưng và khu dân cư đường Trương Định nối dài được ghi nhận khi hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết và công chứng đồng thời thủ tục chuyển quyền sử dụng đất sang tên cho người mua đã được hoàn tất.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên cơ sở số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu được xác định khi Công ty xuất hóa đơn cho khách hàng theo 2 trường hợp:

- Khi có biên bản nghiệm thu hoàn thành và xác nhận giữa hai bên A và B cho từng giai đoạn của hợp đồng xây dựng;
- Căn cứ vào khối lượng công việc thực hiện hoàn thành theo tiến độ hợp đồng xây dựng.

Chi phí của hợp đồng xây dựng

Chi phí của hợp đồng xây dựng bao gồm chi phí trực tiếp liên quan đến từng hợp đồng, chi phí chung được phân bổ cho các hợp đồng có liên quan và các chi phí khác có thể thu lại từ khách hàng theo các điều kiện của hợp đồng xây dựng.

16. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn chuyển quyền sử dụng đất Khu dân cư Long Thạnh Hưng và Khu dân cư đường Trương Định nối dài.

Giá vốn 1m² đất chuyển nhượng tại Khu dân cư Long Thạnh Hưng và Khu dân cư đường Trương Định nối dài được xác định theo giá ước tính bằng cách lấy tổng giá trị đầu tư ước tính đến 30/09/2013 của toàn bộ công trình Khu dân cư Long Thạnh Hưng và Khu dân cư đường Trương Định nối dài chia cho tổng diện tích đất thương phẩm của khu dân cư Long Thạnh Hưng và Khu dân cư đường Trương Định nối dài, chi tiết như sau:

- Tổng giá trị đầu tư ước tính của Công trình Khu dân cư Long Thạnh Hưng dựa trên đơn giá trúng thầu và các quyết định phê duyệt dự án. Tổng mức đầu tư ước tính đến thời điểm 30/09/2013 là 107.754.098.914 đồng, trong đó chi phí thực chi đến 30/09/2013 là 88.282.226.870 đồng.

Tổng diện tích đất thương phẩm là 124.492 m²

Tổng diện tích đất đã chuyển nhượng trong quý III năm 2013 là 0 m².

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

• Tổng giá trị đầu tư ước tính của Công trình Khu dân cư đường Trương Định nổi dài dựa trên đơn giá trúng thầu và các quyết định phê duyệt dự án. Tổng mức đầu tư ước tính đến thời điểm 30/09/2013 là 148.052.112.407 đồng, trong đó chi phí thực chi đến 30/09/2013 là 109.001.242.199 đồng.

Tổng diện tích đất thương phẩm là 70.967,52 m²

Tổng diện tích đất đã chuyển nhượng trong quý III năm 2013 là 637,5 m².

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	<u>30/09/2013</u>		<u>01/01/2013</u>
Tiền mặt tại quỹ	441.771.290		115.514.309
Tiền gửi ngân hàng	7.760.738.421		19.435.378.241
+ Tiền gửi VND	7.658.730.643		19.334.300.318
+ Tiền gửi USD	8.655.212	(1.1)	8.502.000
+ Tiền gửi EUR	93.352.566	(1.2)	92.575.923
Các khoản tương đương tiền	9.211.953.883	(1.3)	16.185.444.661
Cộng	<u>17.414.463.594</u>		<u>35.736.337.211</u>

(1.1) Tương đương 409,23 USD.

(1.2) Tương đương 3.397,35 EUR.

(1.3) Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 1 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	30/09/2013	01/01/2013
Cho Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO vay	1.000.000.000	5.000.000.000
Cho Công ty TNHH MTV Xây Dựng TICCO vay	5.000.000.000	3.000.000.000
Cộng	6.000.000.000	8.000.000.000

3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	30/09/2013		01/01/2013
Phải thu khách hàng	47.196.480.432	(3.1)	79.284.050.220
Trả trước cho người bán	14.060.829.076	(3.2)	3.277.563.471
Các khoản phải thu khác	2.920.163.539	(3.3)	11.246.505.165
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(3.802.430.758)	(3.4)	(3.835.531.896)
Cộng	60.375.042.289		89.972.586.960

(2.1) Chủ yếu là phải thu các khách hàng sau:

Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 40	6.282.379.252
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	3.255.434.146
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang	103.392.500
Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng Thủy Lợi 9	2.475.314.834
Khách hàng mua đất KDC Long Thạnh Hưng	3.029.420.228
Ban Quản lý Dự Án Cải tạo kênh Ba Bò	289.366.513
Khách hàng mua đất KDC Mỹ Thạnh Hưng	526.375.000
Khách hàng mua đất KDC đường Trương Định nối dài	11.867.221.353
Ban Quản lý DA ĐT và xây dựng chuyên ngành NN Long An	559.975.000
Ban Quản lý DA XD CT GT Đồng Tháp	50.077.000
Ban Quản lý DA XD CT ngành NN Đồng Tháp	411.220.600
Sở Nông Nghiệp & PTNT Trà Vinh	4.297.908.000
BQL Các DA ĐT và Xây dựng chuyên ngành NN Kiên Giang	7.618.676.000
Bê tông thương phẩm (nhiều đối tượng)	1.533.769.863
Công ty TNHH MTV Bê tông Ticco	1.076.225.500
TT Quản lý Khai thác CTTL Long An	257.137.000
Công ty TNHH XD Minh Kiều	135.000.000
Công ty TNHH XD TM Hiệp Hương	533.659.675
Công ty TNHH Nam Sông Tiền	183.870.000
Ban Quản lý các DA XD CT GT Tiền Giang	409.704.000

(2.2) Chủ yếu là trả trước cho các nhà cung cấp sau:

Công ty Sagel	115.496.500
Trung tâm kỹ thuật TNMT tỉnh Tiền Giang	44.861.000
BBT Hỗ trợ & TĐC TX Gò Công	865.851.054
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	4.877.836.741
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang	2.861.551.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Công ty Cổ phần Xây dựng 43	4.443.000.000
Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt	88.000.000
Công ty Điện Nước Thiên Việt - Bình Lợi	209.000.000
Công ty TNHH SX TM &DV Thanh Sơn	76.285.500
Công ty TNHH XD Phúc Thành	50.000.000
Công ty hơi kỹ nghệ que hàn	69.000.000
(2.3) Chủ yếu là các khoản phải thu khác sau:	
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	1.313.106.947
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang	4.600.000
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	435.892.295
Sở Tài chính tỉnh An Giang	416.416.000
Thù lao Hội đồng Quản trị	131.611.268
Phải thu bảo hiểm	58.320.937
Ban Bồi thường hỗ trợ và tái định cư Thị xã Gò Công	13.316.702

(2.4) Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được trích lập theo các tỷ lệ:

Tuổi nợ	Số dư ngày 30/09/2013	Tỷ lệ trích lập	Mức dự phòng đã trích lập
Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	302.908.540	30%	90.872.562
Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	737.222.750	50%	368.611.375
Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	869.211.568	70%	608.448.098
Quá hạn trên 3 năm	2.734.498.723	100%	2.734.498.723
Cộng	4.643.841.581		3.802.430.758

4. Hàng tồn kho

	30/09/2013	01/01/2013
Nguyên vật liệu	237.344.290	135.691.517
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	55.046.630.200 (*)	57.309.083.881
Hàng hóa	1.808.330.632	858.770.273
Cộng	57.092.305.122	58.303.545.671

(*) Chủ yếu là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình sau:

Khu dân cư Long Thạnh Hưng	20.056.738.614
Khu dân cư Mỹ Thạnh Hưng	593.786.961
Khu dân cư đường Trương Định nổi dài	21.428.534.532
Công trình khu biệt thự mẫu Long Thạnh Hưng	1.324.253.159
Khu dân cư Sông Đốc	255.275.273
Công trình Cống Sơn Đốc 2	1.558.706.364
Cửa công Định Trung	2.874.427.204
Công trình Cửa van cống Thống Nhất 1, 2, Le Le	2.014.690.682
Công trình Cống Tham Trơi	2.015.780.614
Công trình Cống Tân Quy	43.987.075
Công trình cửa Cống Sơn Đốc 2	1.877.814.714

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Đường huyện 20				418.915.167
5. Tài sản ngắn hạn khác				
		30/09/2013		01/01/2013
Tài sản thiếu chờ xử lý		41.000.000		41.000.000
Tạm ứng		1.883.011.337		1.240.067.051
Cộng		1.924.011.337		1.281.067.051
6. Phải thu dài hạn khác				
		30/09/2013		01/01/2013
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO		33.120.719.060 (*)		30.778.741.393
Cộng		33.120.719.060		30.778.741.393
(*) Bao gồm:				
Khoản vay để xây nhà máy bê tông				3.393.492.470
Phải thu tiền thanh lý tài sản				5.244.648.923
Lợi nhuận các năm công ty TNHH MTV Bê tông TICCO				24.482.577.667
Cộng				33.120.719.060
7. Tài sản cố định hữu hình				
Chỉ tiêu	01/01/2013	Tăng	Giảm	30/09/2013
Nguyên giá				
Nhà cửa, vật kiến trúc	3.114.827.697	-	24.669.061	3.090.158.636
Máy móc, thiết bị	3.335.654.746	3.371.388.982	195.046.398	6.511.997.330
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3.432.748.907	-	-	3.432.748.907
Thiết bị quản lý	504.321.097	-	176.809.279	327.511.818
Cộng	10.387.552.447	3.371.388.982	396.524.738	13.362.416.691
Giá trị hao mòn lũy kế				
Nhà cửa, vật kiến trúc	1.411.514.289	276.492.702	24.669.061	1.663.337.930
Máy móc, thiết bị	859.920.382	849.029.679	164.399.791	1.544.550.270
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	1.833.638.485	296.720.281	-	2.130.358.766
Thiết bị quản lý	298.131.816	76.541.213	128.639.544	246.033.485
Cộng	4.403.204.972	1.498.783.875	317.708.396	5.584.280.451
Giá trị còn lại				
Nhà cửa, vật kiến trúc	1.703.313.408			1.426.820.706
Máy móc, thiết bị	2.475.734.364			4.967.447.060
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	1.599.110.422			1.302.390.141
Thiết bị quản lý	206.189.281			81.478.333
Cộng	5.984.347.475			7.778.136.240

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Trong đó, nguyên giá tài sản cố định đến ngày 30/09/2013 đã thế chấp đảm bảo cho các khoản vay của Công ty trị giá 4.621.645.189 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định đến ngày 30/09/2013 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 919.857.017 đồng.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/09/2013	01/01/2013
Mua sắm tài sản cố định	256.770.384	846.490.409
Cộng	256.770.384	846.490.409

9. Bất động sản đầu tư (Quyền sử dụng đất)

Chỉ tiêu	01/01/2013	Tăng	Giảm	30/09/2013
Nguyên giá	802.108.000	-	-	802.108.000
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
Giá trị còn lại	802.108.000			802.108.000

10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/09/2013		01/01/2013
Đầu tư vào công ty con	72.519.345.695	(10.1)	72.519.345.695
Đầu tư vào công ty liên kết	260.000.000	(10.2)	260.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(8.968.030.596)	(10.3)	-
Cộng	63.811.315.099		72.779.345.695

(8.1) Thông tin chi tiết về các công ty con tại ngày 30/09/2013 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Giá trị khoản đầu tư	Tỷ lệ quyền sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	38.000.000.000	100,00%	100,00%	Sản xuất kinh doanh bê tông
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	20.000.000.000	100,00%	100,00%	Thi công công trình
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang	Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	14.519.345.695	75,42%	75,42%	Thi công công trình
Cộng		72.519.345.695			

(8.2) Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 30/09/2013 như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Giá trị khoản đầu tư	Tỷ lệ quyền sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Testco	KCN Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	260.000.000	20,00%	20,00%	Kiểm định, thử nghiệm chất lượng công trình

(8.3) Khoản dự phòng cho khoản đầu tư tài chính dài hạn tại các Công ty:

- Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCOCO	8.288.149.958
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCOCO An Giang	679.880.638
	8.968.030.596

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Từ 01/01/2013 đến 30/09/2013	Từ 01/01/2012 đến 31/12/2012
Số dư đầu kỳ	6.372.802.369	5.441.140.595
Chuyển sang lợi nhuận trong kỳ	(1.749.900.025)	931.661.774
Số dư cuối kỳ	4.622.902.344	6.372.802.369

12. Nợ ngắn hạn

	30/09/2013		01/01/2013
Vay và nợ ngắn hạn	5.992.315.539	(12.1)	6.486.471.086
Phải trả người bán	24.904.420.866	(12.2)	40.222.343.742
Người mua trả tiền trước	23.276.587.122	(12.3)	19.310.179.222
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.755.314.486	(12.4)	6.398.638.466
Phải trả người lao động	1.210.325.718		3.041.149.865
Chi phí phải trả	35.380.763.819	(12.5)	47.579.649.705
Phải trả, phải nộp khác	3.282.820.080	(12.6)	6.695.681.922
Dự phòng phải trả ngắn hạn	342.079.948	(12.7)	307.044.673
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.189.470.512		3.420.475.280
Cộng	100.334.098.090		133.461.633.961

(10.1) Là khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2012/HĐ ngày 06/11/2012 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2013/HĐ ngày 14/03/2013:

- Hạn mức tín dụng tối đa: 10.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh vật liệu xây dựng và gia công sửa chữa thiết bị cơ khí;
- Lãi suất: Theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ;
- Thời hạn vay: Theo từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể;
- Khoản tín dụng được đảm bảo bằng tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2012/HĐ ngày 06/11/2012; văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

04/2013/HĐ ngày 10/06/2013 - tài sản thế chấp theo giá trị định giá của ngân hàng là 2.150.877.273 đồng theo Biên bản định giá ngày 22/10/2012 và Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2012/HĐ ngày 06/11/2012; văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản số 03/2013/HĐ ngày 10/06/2013 - thế chấp Quyền sử dụng đất thuê tại số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P.9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang.

– Số dư tại ngày 30/09/2013 theo các Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể sau:

STT	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Số tiền vay	Thời hạn vay (tháng)	Ngày đến hạn	Lãi suất (%/năm)	Số dư tại ngày 30/09/2013
1	09/2013/HĐ	03/06/2013	173.811.853	6	03/12/2013	9,5%	173.811.853
2	10/2013/HĐ	11/06/2013	226.827.901	6	11/12/2013	8%	226.827.901
3	11/2013/HĐ	12/06/2013	75.363.000	6	12/12/2013	9,5%	75.363.000
4	12/2013/HĐ	17/06/2013	1.977.489.213	6	17/12/2013	8%	1.977.489.213
5	13/2013/HĐ	19/06/2013	131.442.000	6	19/12/2013	8%	131.442.000
6	14/2013/HĐ	24/06/2013	176.597.510	6	24/12/2013	8%	176.597.510
7	15/2013/HĐ	25/06/2013	220.800.000	6	25/12/2013	8%	220.800.000
8	16/2013/HĐ	03/07/2013	225.450.000	6	03/01/2014	9%	225.450.000
9	17/2013/HĐ	05/07/2013	112.110.900	6	05/01/2014	9%	112.110.900
10	18/2013/HĐ	11/07/2013	84.865.870	6	11/01/2014	9%	84.865.870
11	19/2013/HĐ	15/07/2013	274.300.000	6	15/01/2014	8%	274.300.000
12	20/2013/HĐ	15/07/2013	229.803.500	6	15/01/2014	8%	229.803.500
13	21/2013/HĐ	17/07/2013	297.000.000	6	17/01/2014	8%	297.000.000
14	22/2013/HĐ	18/07/2013	92.193.525	6	18/01/2014	8%	92.193.525
15	23/2013/HĐ	22/07/2013	104.153.480	6	22/01/2014	8%	104.153.480
16	24/2013/HĐ	24/07/2013	196.310.000	6	24/01/2014	8%	196.310.000
17	25/2013/HĐ	31/07/2013	248.875.000	6	31/01/2014	8%	248.875.000
18	26/2013/HĐ	31/07/2013	127.642.341	6	31/01/2014	8%	127.642.341
19	27/2013/HĐ	09/08/2013	214.732.596	6	09/02/2014	8%	214.732.596
20	28/2013/HĐ	20/08/2013	129.276.850	6	20/02/2014	8%	129.276.850
21	29/2013/HĐ	28/08/2013	452.223.750	6	28/02/2014	8%	452.223.750
22	30/2013/HĐ	05/09/2013	122.180.250	6	05/03/2014	8%	122.180.250
23	31/2013/HĐ	05/09/2013	98.866.000	6	05/03/2014	8%	98.866.000
Tổng			5.992.315.539				5.992.315.539

(10.2) Chủ yếu là khoản phải trả cho các nhà cung cấp sau:

Công ty CP Cơ khí và Xây lắp 276	633.832.000
Công ty TNHH KD & DV Tường An	17.562.221
Công ty CP Công nghệ CN Intec	850.853.333
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	22.115.863.116
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	56.457.640
Công ty CP ĐT XD TL Lâm Đồng	269.500.446

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Công ty TNHH XD Hữu Quế	199.998.718	
Công ty Nạo vét Đường thủy 2	182.461.000	
Công ty TNHH Hòa Điền	112.549.500	
DNTN Minh Trị	83.479.000	
(10.3) Chủ yếu là khoản người mua trả tiền trước sau:		
Khách hàng ứng trước tiền mua đất KDC Trương Định nối dài	571.142.200	
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Thủy lợi 10	10.184.636.000	
Khách hàng ứng trước tiền mua đất KDC Long Thạnh Hưng	1.760.500.000	
Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Sóc Trăng	1.724.080.000	
Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Cà Mau	1.597.600.000	
Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn An Giang	3.490.263.000	
Ban Quản lý dự án huyện Gò Công Tây	400.680.000	
Ban Quản lý dự án ngành NN Tiền Giang	2.012.000.000	
Công ty CP Cơ khí và xây lắp 276	1.309.770.000	
DNTN Văn Sáu	100.000.000	
(10.4) Bao gồm:		
Thuế thu nhập cá nhân	29.943.452	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.593.776.569	
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	131.594.465	
Cộng	3.755.314.486	
(10.5) Bao gồm các khoản chi phí trích trước sau:		
Kinh phí nghiệm thu công trình Bình Lợi	509.090.909	
Chi phí ước tính KDC Trương Định giai đoạn 2	34.675.382.409	
Kinh phí nghiệm thu khu neo đậu tránh trú bão	133.244.385	
Các khoản chi phí phải trả khác	63.046.116	
Cộng	35.380.763.819	
(10.6) Chủ yếu là các khoản phải trả sau:		
Công ty Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp	1.900.423.465	
Hoán đổi nền đất dự án Khu dân cư đường Trương Định nối dài	258.999.998	
Hoa hồng bán hàng	623.821.949	
Công ty Cổ phần Testco	13.186.591	
Lãi góp vốn Khu dân cư đường Trương Định nối dài	249.580.837	
Phải trả về cổ phần hóa	172.790.020	
Kinh phí công đoàn	56.878.583	
(10.7) Dự phòng chi phí bảo hành công trình như sau:		
	Từ 01/01/2013	Từ 01/01/2012
	đến 30/09/2013	đến 31/12/2012
Số dư đầu kỳ	307.044.673	399.974.586
Trích lập trong kỳ	149.716.629	111.976.766

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Sử dụng trong kỳ	(26.722.504)	(60.224.370)
Hoàn nhập trong kỳ	(87.958.850)	(144.682.309)
Số dư cuối kỳ	342.079.948	307.044.673

13. Vay và nợ dài hạn

	30/09/2013	01/01/2013
Vay dài hạn	8.136.200.000 (*)	23.886.508.755
Nợ thuê tài chính dài hạn	-	1.140.200.000
Cộng	8.136.200.000	25.026.708.755

(*) Bao gồm các khoản vay tại các ngân hàng theo các hợp đồng sau:

- ❖ Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐ ngày 29/08/2012
 - Hạn mức vay: 828.545.200 đồng.
 - Mục đích vay: Mua máy cắt thép và máy chấn tole.
 - Thời hạn vay: 60 tháng.
 - Lãi suất: lãi suất chi phí vốn theo thỏa thuận của Ngân hàng + 4%/năm.
 - Khoản tín dụng được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ dự án theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 02/2012/HĐ ngày 29/08/2012.
 - **Số dư tại ngày 30/09/2013 là 289.200.000 đồng.**
- ❖ Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐ ngày 11/04/2013
 - Hạn mức vay: 840.000.000 đồng.
 - Mục đích vay: Mua máy đào Kobelco.
 - Thời hạn vay: 60 tháng.
 - Lãi suất: lãi suất chi phí vốn theo thỏa thuận của Ngân hàng + 4%/năm.
 - Khoản tín dụng được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ dự án theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2013/HĐ ngày 11/04/2013. Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2012/HĐ ngày 06/11/2012 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2013/HĐ ngày 11/04/2013. Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2012/HĐ ngày 06/11/2012 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2013/HĐ ngày 11/04/2013.
 - **Số dư tại ngày 30/09/2013 là 785.000.000 đồng.**
- ❖ Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng số 02/2013/HĐ ngày 10/06/2013
 - Hạn mức vay: 560.000.000 đồng.
 - Mục đích vay: Mua máy chấn tole Komatsu.
 - Thời hạn vay: 60 tháng.
 - Lãi suất: lãi suất chi phí vốn theo thỏa thuận của Ngân hàng + 4%/năm.
 - Khoản tín dụng được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ dự án theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 02/2013/HĐ ngày 10/06/2013. Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2012/HĐ ngày 06/11/2012; văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2013/HĐ ngày 11/04/2013 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

đồng thế chấp bất động sản số 03/2013/HĐ ngày 10/06/2013. Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2012/HĐ ngày 06/11/2012; văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2013/HĐ ngày 11/04/2013 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 04/2013/HĐ ngày 10/06/2013.

– Số dư tại ngày 30/09/2013 là 532.000.000 đồng.

❖ Khoản vay tại Ngân hàng Phát triển Nhà Đồng bằng Sông Cửu Long - Chi nhánh Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số TD.1079.10/HĐTD ngày 09/03/2011 và phụ lục Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số TD.1079.10/PLHĐTD ngày 22/02/2012

– Hạn mức vay: 31.000.000.000 đồng.

– Mục đích vay: Bổ sung vốn bồi thường, hỗ trợ dự án Khu dân cư đường Trương Định nối dài.

– Thời hạn vay: 36 tháng.

– Lãi suất: lãi suất chi phí vốn theo thỏa thuận của Ngân hàng + 4%/năm.

– Khoản tín dụng được đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1079.10.02/HĐTC ngày 01/04/2013: Giá trị quyền sử dụng đất tọa lạc tại Khu phố 3, phường 5, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang với tổng diện tích 5.969,4 m² có trị giá 14.900.000.000 đồng theo Biên bản định giá tài sản thế chấp ngày 01/04/2013.

– Số dư tại ngày 30/09/2013 là 6.530.000.000 đồng.

14. Vốn chủ sở hữu

(14.1) Tình hình vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại ngày 01/01/2012	80.000.000.000	10.700.000.000	31.751.323.436	5.325.419.385	21.536.052.426
Tăng trong năm trước	-	-	5.000.000.000	947.158.650	16.381.783.345
Giảm trong năm trước	-	-	27.280.000	-	19.041.475.950
Số dư tại ngày 31/12/2012	80.000.000.000	10.700.000.000	36.724.043.436	6.272.578.035	18.876.359.821
Số dư tại ngày 01/01/2013	80.000.000.000	10.700.000.000	36.724.043.436	6.272.578.035	18.876.359.821
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	6.286.041.900
Tăng khác trong kỳ	-	-	-	-	44.935.876
Trích lập quỹ	-	-	4.000.000.000	819.089.167	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	18.457.267.502
Số dư tại ngày 30/09/2013	80.000.000.000	10.700.000.000	40.724.043.436	7.091.667.202	6.750.070.095

(14.2) Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (sửa đổi), vốn điều lệ của Công ty tương ứng là 80.000.000.000 đồng. Tại ngày 30/09/2013, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ theo giấy phép.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(14.3) Cổ phiếu

	30/09/2013	30/09/2012
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.000.000	8.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.000.000	8.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phần)	10.000	10.000

(14.4) Phân phối lợi nhuận:

Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 Số 01/NQ.ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 04 năm 2013, cụ thể như sau:

- Trích quỹ dự phòng tài chính (5%)	819.089.167
- Trích quỹ đầu tư phát triển	4.000.000.000
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (10%)	1.638.178.335
- Chia cổ tức năm 2012 (15%)	12.000.000.000
Cộng	18.457.267.502

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

1. Doanh thu

	Từ 01/07/2013 đến 30/09/2013	Từ 01/07/2012 đến 30/09/2012
1.1. Tổng doanh thu	36.150.533.994	52.018.911.430
- Doanh thu xây dựng	19.857.122.727	16.389.172.909
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	1.782.272.727	28.178.969.689
- Doanh thu bán vật liệu xây dựng	4.753.116.989	3.777.668.477
- Doanh thu Xí nghiệp Cơ khí	9.758.021.551	3.673.100.355
Các khoản giảm trừ doanh thu	42.237.272	-
- Giảm giá hàng bán	42.237.272	-
Doanh thu thuần	36.108.296.722	52.018.911.430
- Doanh thu xây dựng	19.814.885.455	16.389.172.909
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	1.782.272.727	28.178.969.689
- Doanh thu bán vật liệu xây dựng	4.753.116.989	3.777.668.477
- Doanh thu Xí nghiệp Cơ khí	9.758.021.551	3.673.100.355
1.2. Doanh thu hoạt động tài chính	2.149.282.189	3.593.908.891
- Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi trái phiếu	104.433.948	175.229.662
- Lãi cho vay	110.749.332	103.409.091

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Từ 01/07/2013 đến 30/09/2013	Từ 01/07/2012 đến 30/09/2012
- Cổ tức, lợi tức được chia từ công ty liên kết	7.800.000	-
- Cổ tức, lợi tức được chia từ các công ty con	1.926.298.909	3.288.406.466
- Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	9.011.225
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	17.852.447
1.3. Thu nhập khác	148.338.862	31.927.243
- Thu nhập từ xử lý công nợ	-	24.515
- Hoàn nhập chi phí bảo hành công trình	114.722.862	-
- Thu nhập khác	33.616.000	31.902.728
2. Giá vốn hàng bán		
	Từ 01/07/2013 đến 30/09/2013	Từ 01/07/2012 đến 30/09/2012
Giá vốn xây dựng	19.783.731.909	16.045.577.930
Giá vốn kinh doanh bất động sản	(12.669.834.743) (*)	29.228.134.361
Giá vốn bán vật liệu xây dựng	3.950.179.530	3.458.829.697
Giá vốn dịch vụ	9.087.193.507	3.061.723.244
Cộng	20.151.270.203	51.794.265.232
(*) Hoàn nhập giá vốn theo quyết toán dự án KDC Long Thành Hưng		
3. Chi phí tài chính		
	Từ 01/07/2013 đến 30/09/2013	Từ 01/07/2012 đến 30/09/2012
Chi phí lãi vay	148.637.659	320.867.179
Chi phí dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	883.689.498	
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	(573.285.856)
Cộng	1.032.327.157	(252.418.677)
4. Chi phí bán hàng		
	Từ 01/07/2013 đến 30/09/2013	Từ 01/07/2012 đến 30/09/2012
Chi phí nhân viên	209.399.712	294.298.078
Chi phí vật liệu, bao bì	437.150.873	-
Chi phí dụng cụ đồ dùng	-	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	34.653.718	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.128.126	20.779.167
Chi phí bằng tiền khác	60.365.839	1.648.294.137
Cộng	750.698.268	1.963.371.382
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Từ 01/07/2013 đến 30/09/2013	Từ 01/07/2012 đến 30/09/2012
Chi phí nhân viên quản lý	1.356.727.453	895.847.190
Chi phí vật liệu quản lý	84.430.817	148.105.188
Chi phí đồ dùng văn phòng	28.262.282	79.125.775
Chi phí khấu hao tài sản cố định	173.778.106	214.014.930
Thuế, phí và lệ phí	32.784.600	26.794.977
Chi phí dự phòng	(165.588.000)	(24.909.659)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	120.717.265	145.189.640
Chi phí bằng tiền khác	1.094.005.189	736.614.735
Cộng	2.725.117.712	2.220.782.776
6. Chi phí khác		
	Từ 01/07/2013 đến 30/09/2013	Từ 01/07/2012 đến 30/09/2012
Chi phí thanh lý tài sản cố định	-	105.266.775
Chi tiền phạt	27.747.295	38.641.931
Chi phí khác	2.484.643.908	29.200
Cộng	2.512.391.203	143.937.906
7. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
	Từ 01/07/2013 đến 30/09/2013	Từ 01/07/2012 đến 30/09/2012
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-
Khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước	(3.316.410.457)	(3.197.756.796)
Cộng	(3.316.410.457)	(3.197.756.796)
8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
	Từ 01/07/2013 đến 30/09/2013	Từ 01/07/2012 đến 30/09/2012
Lợi nhuận sau thuế TNDN	5.044.328.303	1.558.321.079
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông	5.044.328.303	1.558.321.079
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	8.000.000	8.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	631	195

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các bên liên quan

1.1. Chi tiết giao dịch trong giai đoạn từ ngày 01/07/2013 đến ngày 30/09/2013 với các bên liên quan

Bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Số tiền
BÁN			
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	Công ty con	Lãi cho vay	68.083.332
		Tài sản	30.000.000
		Bán vật liệu xây dựng	1.784.250.218
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	Công ty con	Gia công cơ khí	168.041.985
		Bán vật liệu xây dựng	1.396.099.500
		Lãi cho vay	42.666.000
		Điện năng	15.694.731
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang	Công ty con	Khối lượng công trình nghiệm thu	78.832.825
MUA			
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	Công ty con	Mua bê tông đúc sẵn	29.990.400
		Mua bê tông tươi	2.902.000
		Thuê cần cạp	18.432.727
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	Công ty con	Khối lượng công trình nghiệm thu	17.635.396.454
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang	Công ty con	Khối lượng công trình nghiệm thu	2.148.335.455

1.2. Chi tiết số dư tại ngày 30/09/2013 với các bên liên quan

Bên liên quan	Quan hệ	Số dư các khoản mục	Số dư tại ngày 30/09/2013
PHẢI THU			
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	Công ty con	Phải thu ngắn hạn khác	435.892.295
		Bán vật liệu xây dựng	1.076.225.500
		Phải thu dài hạn khác	33.120.719.060
		Cho vay ngắn hạn	1.000.000.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	Công ty con	Phải thu khách hàng	3.255.434.146
		Phải thu ngắn hạn khác	1.313.106.947
		Trả trước cho người bán	4.877.836.741
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang	Công ty con	Phải thu khách hàng	103.392.500
		Phải thu khác	4.600.000
		Trả trước cho người bán	2.861.551.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý III năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bên liên quan	Quan hệ	Số dư các khoản mục	Số dư tại ngày 30/09/2013
PHẢI TRẢ			
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	Công ty con	Phải trả người bán (thuê cần cạp)	20.276.000
		Bê tông tươi, bê tông đúc sẵn	36.181.640
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	Công ty con	Phải trả người bán	22.115.863.116

2. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 đã được kiểm toán. Số liệu quý III năm 2013 của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được so sánh với số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của quý III năm 2012 đã kiểm toán.

Tiền Giang, ngày 16 tháng 10 năm 2013

Người lập biểu



LÊ MỸ PHƯỢNG

Kế toán trưởng



NGUYỄN HOÀNG SƠN

Tổng Giám đốc



TRẦN HOÀNG HUÂN